

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 3 – 2022
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Điệp

2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Võ Thị Ngọc T**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Huỳnh Chí L**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị T, anh L có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Võ Thị Ngọc T là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Huỳnh Chí L đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung nhưng đến tháng 10/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau và có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay chị T quyết định ly hôn với anh Huỳnh Chí L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 30/11/2018, hiện con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm thi hành án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Năm 2018 vợ chồng bán vàng cưới mua 01 chiếc ghe có gắn 01 máy chạy hiệu XS 50, tổng giá trị 25.000.000 đồng, 02 bình ắc quy và 02 tấm năng lượng mặt trời, tổng trị giá là 10.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là 77.000.000 đồng.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu tài sản chung chia đôi. Chị T đồng ý giao tất cả các loại tài sản chung nêu trên cho anh L quản lý sử dụng. Chị T yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 38.500.000 đồng.

Anh L có trách nhiệm giao lại cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 38.500.000 đồng.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị T rút lại yêu cầu về tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Huỳnh Chí L là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Trân, sinh ngày 30/11/2018, hiện con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh L đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung.

Anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T do có hoàn cảnh khó khăn, anh L đi làm thuê thu nhập không ổn định, còn chung sống với cha mẹ ruột.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T và anh L cho rằng vợ chồng có tài sản chung như chị T trình bày nhưng anh L yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Trích lục kết hôn Võ Thị Ngọc T – Huỳnh Chí L (Bản sao).

- 01 Trích lục khai sinh tên Huỳnh Thị Ngọc T (Bản sao).

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 22/02/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Võ Thị Ngọc T có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Huỳnh Chí L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *“Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con”*.

Anh Huỳnh Chí L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh L, anh L đồng ý ly hôn với chị T.

Chị T và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 22 tháng 10 năm 2018, do đó hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi vã với nhau và có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bên cạnh đó, anh L cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Ngọc T.

- Về con chung: Chị T và anh L thống nhất thỏa thuận: Chị T được nuôi con tên Huỳnh Thị Ngọc Trân, sinh ngày 30/11/2018.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi chung mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm thi hành án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 điều 82 Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014 cũng có quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*.

Do đó, để đảm bảo lợi ích của cháu Huỳnh Thị Ngọc T và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của con chưa thành niên, anh L phải có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng bằng số tiền $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm thi hành án.

Thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 03/2022 cho đến khi con chung Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 30/11/2018 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị T và anh L có tài sản chung nhưng chị T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản để tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của chị T về tài sản, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Chị T và anh L không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc T.

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc T được ly hôn với anh Huỳnh Chí L.

- Về con chung: Chị T và anh L thống nhất thỏa thuận:

Chị T được nuôi con tên Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 30/11/2018.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Thị Ngọc T hàng tháng, mỗi tháng bằng số tiền $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm thi hành án.

Thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 03/2022 cho đến khi con chung Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 30/11/2018 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị T, do chị T rút yêu cầu.

- Nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai số 0007145 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Chị Võ Thị Ngọc T được nhận lại số tiền 960.000 đồng theo biên lai số 0007146 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Anh Huỳnh Chí L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh